TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 159/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v: Ly hôn và chia TS chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Ngô Thị Yêm.**
2. **Ông Nguyễn Duy May.**
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thu Thảo.**
Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - HN.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – HN tham gia phiên toà*:**
Bà Dương Thị Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày12/8/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 672/2024/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn và chia tài sản chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2025. Giữa các đương sự:

1. ***<u>Nguyên đơn</u>***: **Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968.
Nơi thường trú và nơi ở: Xóm N, xã PT, T phố HN.
Nghề nghiệp: Tự do.

Có mặt tại phiên tòa.

2. <u>Bị đơn</u>: **Bà Vũ Thị M**, sinh năm 1979.
Nơi thường trú: Xóm N, xã PT, T phố HN.
Nơi ở: Tổ 15, xã PT, T phố HN.

Nghề nghiệp: Tự do.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn T trình bày:**

+ Về tình cảm:

Ông và bà Vũ Thị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã VN, huyện ĐA, T phố HN. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN.

Quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc đến ngày 24/7/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà M coi thường ông, việc làm ăn buôn bán đất không cho ông biết. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 24/7/2021 cho đến nay, không gây khó khăn gì cho nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chính quyền địa phương cũng đã hoà giải nhưng không có kết quả.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông xin được ly hôn với bà M.

+ Về con chung:

Ông và bà M có một con chung là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 09/5/2008. Hiện nay cháu có sức khỏe tốt và đang ở cùng mẹ. Khi ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ thì ông cũng đồng ý, vì ông không đủ sức lao động, bệnh tật. Ông bà tự thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung:

Ông và bà M có những tài sản chung như sau:

- 01 ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký mang tên ông là Nguyễn Văn T. Xe ô tô này mua năm 2018, thời điểm mua khoảng 1.000.000.000 đồng là tiền của hai vợ chồng cùng làm ra, công sức đóng góp như nhau, khi đó hai vợ chồng cùng làm kinh doanh bất động sản. Hiện xe này do bà M đang trực tiếp quản lý sử dụng.

- 01 ô tô Honda City biển kiểm soát 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký mang tên bà Vũ Thị M. Xe ô tô này mua năm 2017, thời điểm mua khoảng 700.000.000 đồng là tiền của hai vợ chồng cùng làm ra, công sức đóng góp như

nhau, khi đó hai vợ chồng cùng làm kinh doanh bất động sản. Hiện xe này do ông đang trực tiếp quản lý sử dụng.

- Nhà 3 tầng xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại thôn N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN. Thửa đất trên có nguồn gốc của cha ông để lại cho ông, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông từ trước khi ông kết hôn với bà M, nên ông xác định quyền sử dụng thửa đất này là tài sản riêng của ông, ngôi nhà xây trên đất là tài sản chung của hai vợ chồng. Ngôi nhà thì ông xây dựng phần mộc từ năm 2009 đến năm 2011 thì hoàn thiện phần thô, đến năm 2012 thì ông mới kết hôn với bà M. Khi bà M về chung sống cùng với ông thì hai vợ chồng cùng nhau hoàn thiện nốt các hạng mục còn lại. Chi phí xây dựng nhà khoảng 1.000.000.000 đồng, đến nay ông không còn lưu giữ được tài liệu, hoá đơn, chứng từ nào nữa. Khi bà M về thì có bỏ ra khoảng 300.000.000 đồng để hoàn thiện nhà. Hiện nay chỉ có một mình ông sống ở căn nhà này.

Ngày 19/02/2025 ông T có đơn khởi kiện bổ sung, ông yêu cầu Toà án chia tài sản chung là ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, HN là tài sản chung của vợ chồng, ông sẽ tiếp tục quản lý sử dụng nhà và sẽ thanh toán lại công sức đóng góp cho bà M theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/02/2025 ông T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, HN.

Ông yêu cầu chia quyền sử dụng và sở hữu đối với 2 chiếc xe ô tô, trường hợp ai được sử dụng xe có giá trị cao hơn thì phải thanh toán phần chênh lệch cho người còn lại.

+ Về nợ chung: Ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là nhà trên đất của bà M:

Thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, HN, có nguồn gốc của cha ông để lại cho ông, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông, hiện nay có 1 ngôi nhà 3 tầng trên đất.

Ông và bà M kết hôn năm 2012, nhưng trước đó ông bà đã sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2008. Khi sống cùng nhau thì hai vợ chồng mở quán cắt tóc gội đầu sau đó chuyển sang kinh doanh bất động sản, thu nhập trong nhà đều do hai vợ chồng tạo ra. Năm 2009 hai vợ chồng bắt đầu xây dựng nhà trồng mộc

lên 3 tầng để đấy, đến năm 2015 thì hoàn thiện. Tổng chi phí bỏ ra xây nhà hết 600.000.000 đồng, nay ông không còn lưu giữ được hoá đơn, chứng từ nào nữa. Tiền xây nhà là tiền chung của hai vợ chồng cùng với tiền do ông bán đất của ông mà có. Ông xác định công sức của hai vợ chồng trong việc xây dựng nhà là bằng nhau.

Nay bà M yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà này thì ông đề nghị Toà án giải quyết giao cho ông được quyền quản lý sử dụng toàn bộ ngôi nhà và ông sẽ thanh toán một nửa giá trị ngôi nhà cho bà M.

Ngoài các vấn đề trên, ông T không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – Bà Vũ Thị M trình bày:**

+ Về tình cảm:

Bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 25/02/2012 trên có sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã VN, nhưng ông bà đã sống chung với nhau từ năm 2008. Sau khi kết hôn bà về sinh sống chung cùng ông T tại nhà riêng ở thôn N, xã VN, huyện ĐA, HN, không ở chung cùng bố mẹ chồng.

Quá trình chung sống thì vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn từ rất lâu rồi, nhưng đỉnh điểm vào tháng 5/2021 ông T uống rượu về đánh chửi bà và còn vác dao đuổi chém mẹ con bà, bà đã phải báo Công an xã VN và Công an 113 để giải quyết lập biên bản. Công an đã yêu cầu mẹ con bà dọn ra khỏi nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng ông bà đã sống ly thân được khoảng 4 năm nay, mỗi người ở một nơi. Mặc dù hiện không còn chung sống với ông T nhưng hàng tháng bà vẫn chu cấp cho ông T 9.000.000 đồng tiền sinh hoạt phí, ngoài ra còn gửi cho ông T tiền thuốc men phát sinh thêm. Năm 2024 bà đã một lần làm đơn xin ly hôn ông T nhưng sau đó bà lại rút đơn về. Nay ông T có đơn khởi kiện xin ly hôn thì bà cũng đồng ý do hai vợ chồng không còn tình cảm.

+ Về con chung: Ông bà có một con chung là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 09/5/2008. Hiện nay cháu có sức khỏe tốt và đang ở cùng mẹ. Sau khi ly hôn, bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Bà và ông T có những tài sản chung như sau:

- 01 ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký mang tên ông là Nguyễn Văn T, mua năm 2018, thời điểm mua

1.200.000.000 đồng, chủ yếu là tiền do bà làm ăn được. Hiện xe này do bà đang trực tiếp quản lý sử dụng.

- 01 ô tô Honda City biển kiểm soát 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký mang tên bà Vũ Thị M. Xe ô tô này mua năm 2016, thời điểm mua 700.000.000 đồng, chủ yếu cũng là tiền do bà làm ăn được. Hiện xe này do ông T đang trực tiếp quản lý sử dụng.

- Ngôi nhà 3 tầng xây trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, HN là thửa đất của cha ông để lại cho ông T, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T, thửa đất có từ trước khi ông bà kết hôn, tuy nhiên vẫn là đất trống. Năm 2015 bà và ông T đã xây dựng nhà 3 tầng như hiện nay với diện tích xây dựng là 76m2, tổng số tiền xây dựng là 1.200.000.000 đồng, hiện nay ông T vẫn đang ở đó.

Mặc dù thửa đất đứng tên ông T nhưng sau khi kết hôn với bà ông T đã nhập thửa đất vào là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, bằng chứng là ông T cùng bà xây dựng ngôi nhà 3 tầng trên đất và sinh sống ổn định.

+ Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia tài sản là hai chiếc ô tô thì bà có ý kiến: Đối với chiếc xe ô tô Hyundai Santafe do bà đang trực tiếp quản lý sử dụng thì sẽ giao cho bà tiếp tục quản lý sử dụng, còn chiếc xe ô tô Honda City ông T đang trực tiếp quản lý sử dụng thì giao cho ông T tiếp tục quản lý sử dụng, hai bên có trách nhiệm sang tên Giấy chứng nhận đăng ký xe cho nhau. Bà không đồng ý thanh toán bất cứ khoản tiền chênh lệch nào do tiền mua xe chủ yếu vẫn là của bà và bà còn phải nuôi con nhỏ.

Đối với đất và nhà thì bà không yêu cầu Toà án chia tài sản chung, tuy nhiên ông T phải cam kết không được bán và thế chấp trong Ngân hàng cho đến khi ông T chết thì giao lại cho con trai quản lý sử dụng và ông T phải ra Văn phòng Công chứng lập văn bản cho con trai bà.

+ Về nợ chung: Ông bà không vay nợ gì ai và cũng không cho ai vay nợ, nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 31/3/2025 bà M có đơn yêu cầu chia tài sản chung, cụ thể như sau:

Về tài sản chung ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản chung là 02 chiếc xe ô tô, không yêu cầu chia tài sản là nhà đất. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà làm đơn đề nghị Toà án chia tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14. Mặc dù thửa đất đứng tên ông T, nhưng sau khi xây dựng gia đình với bà ông Thanh đã nhập thửa đất vào là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quan điểm của bà về tài sản chung về nhà đất như sau:

+ Bà và ông T sẽ ra Văn phòng Công chứng làm văn bản thoả thuận tài sản này ông T tiếp tục sử dụng, không được đăng ký biến động, giao dịch. Khi bà và ông T qua đời thì thửa đất nói trên sẽ giao cho con trai là Nguyễn Vũ Q quản lý, sử dụng và thờ cúng bố mẹ.

+ Nếu ông T không đồng ý thoả thuận trên thì bà yêu cầu Toà án chia tài sản chung là ngôi nhà trên thửa đất, trị giá là 1.200.000.000 đồng. Còn về công sức và quyền lợi đối với đất bà sẽ xem xét yêu cầu sau.

Ngoài ra bà M không có yêu cầu nào khác.

<u>Tại phiên tòa</u>:

+ Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Hiện nay ông và bà M đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Ông vẫn thường xuyên sinh sống tại thôn N, xã PT, T phố HN, bà M đã cùng con trai ra ngoài ở riêng tại số 44, tổ 2, khối 3A, xã ĐA, T phố HN.

Ông bà đăng ký kết hôn ngày 25/02/2012, tuy nhiên ông bà đã chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2008.

Cuộc sống của ông bà thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bà M coi thường, không tôn trọng ông, từ đó dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ ngày 24/7/2021 cho đến nay.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông xin được ly hôn với bà M.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 09/5/2008. Hiện nay cháu có sức khỏe tốt và đang ở cùng mẹ. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng đối với 02 chiếc xe ô tô. Ông xác định công sức đóng góp vào khối tài sản chung vợ chồng là ngang nhau. Ông đề nghị ai được sử dụng xe có giá trị cao hơn thì phải thanh toán phần chênh lệch cho người còn lại.

Về yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà 3 tầng của bà M, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp phải chia ông có nguyện vọng được quản lý và sử dụng ngôi nhà và sẽ thanh toán tiền cho bà M.

Về nợ chung: Ông bà không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Bà Vũ Thị M trình bày:

Bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nên ông T xin ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung đúng như ông T đã trình bày. Hiện nay cháu có sức khỏe tốt và đang sống cùng bà. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Bà và ông T tự thoả thuận về việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà thống nhất quan điểm của ông T về việc chia tài sản chung là 02 chiếc xe ô tô, mỗi người sử dụng 1 chiếc, tuy nhiên không ai phải thanh toán cho ai. Bà xác định công sức của bà trong việc tạo lập tài sản là 02 chiếc xe ô tô là chủ yếu, tuy nhiên bà cũng không có tài liệu gì để chứng minh.

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung đối với ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN. Vì bà xác định ngôi nhà trên là công sức, tiền bạc của bà làm ra và xây dựng lên. Bà xác nhận bà không nộp tiền chi phí tố tụng là tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo Thông báo của Toà án. Bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng bà không cho ai vay nợ và cũng không vay nợ ai, nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – HN phát biểu ý kiến***:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tống đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đã chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39, 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn T đối với bà Vũ Thị M.

Về con chung: Ông T và bà M có 01 con chung là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 09/5/2008. Sau khi ly hôn, giao bà M trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung: Giao ông Nguyễn Văn T tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô Honda City 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Vũ Thị M. Giao bà Vũ Thị M tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông là Nguyễn Văn T. Bà M phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông T là 200.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN của bà Vũ Thị M, do bà M không nộp tạm ứng chi phí tố tụng là tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà 3 tầng của bà M. Giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung đối với ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN để giải quyết trong vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Ông T và bà M cùng xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VN, huyện ĐA, T phố HN, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2012 ngày 25/02/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, ông T có đơn xin ly hôn với bà M đồng thời có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, bà M có địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại tổ 15, xã PT, T phố HN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – HN, quan hệ pháp luật là "Ly hôn và chia tài sản chung".

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không phù hợp với nhau về tính cách, quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ông T xin được ly hôn với bà M.

Bà Vũ Thị M cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống và tính cách. Ông T xin ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà M là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan hệ để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc ông T xin ly hôn bà M là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Ông T và bà M có 01 con chung là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 09/5/2008. Hiện nay cháu có sức khỏe tốt và đang ở cùng mẹ. Sau khi ly hôn, ông bà đều thống nhất giao 01 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy hiện nay cháu Q đã hơn 17 tuổi và đang sinh sống cùng bà M, ông T và bà M cùng thống nhất giao cháu Q cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn, việc thoả thuận của ông T và bà M hoàn toàn có căn cứ và không ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như sự phát triển của con trẻ, vì vậy nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con ông T và bà M tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung:

+ Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với 02 chiếc xe ô tô (một chiếc xe ô tô Honda City và một chiếc xe ô tô Hyundai Santafe):

Chiếc xe ô tô Honda City biển kiểm soát 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Vũ Thị M có nguồn gốc do hai vợ chồng ông T bà M mua từ năm 2016, thời điểm mua có giá trị là 700.000.000 đồng.

Chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký mang tên ông là Nguyễn Văn T, có nguồn gốc do hai vợ chồng ông T bà M mua từ năm 2018, thời điểm mua 1.200.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà M đều xác định 2 chiếc xe ô tô nêu trên đều là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, bà M cho rằng số tiền mua 2 chiếc xe trên chủ yếu đều là do bà làm ra, tuy nhiên bà M cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung*."

Theo quy định tại Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

"*1. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường hợp quy định tại Điều 42 của Luật này; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết;*

2. Thỏa thuận về việc chia tài sản chung phải lập thành văn bản. Văn bản này được công chứng theo yêu cầu của vợ chồng hoặc theo quy định của pháp luật;

3. Trong trường hợp vợ, chồng có yêu cầu thì Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 59 của Luật này".

Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về Nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn:

"1. Trong trường hợp chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định thì việc giải quyết tài sản do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì theo yêu cầu của vợ, chồng hoặc của hai vợ chồng ...

2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng;

b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập;

c) Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập;

d) Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

3. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch…".

Ông T xác định công sức đóng góp vào khối tài sản chung là ngang nhau, bà M cho rằng công sức của bà là chủ yếu, tuy nhiên bà M không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Do vậy nên Hội đồng xét xử xác định 02 chiếc xe ô tô nêu trên của ông T và bà M đều được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng, công sức đóng góp là ngang nhau.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thì chiếc xe ô tô Honda City 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Vũ Thị M có giá trị là 300.000.000 đồng; Chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký mang tên ông là Nguyễn Văn T có giá trị là 700.000.000 đồng. Tổng giá trị 2 chiếc xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng ông

T bà M có giá trị 1.000.000.000 đồng, trị giá tài sản mỗi người được hưởng 500.000.000 đồng.

Theo các bên đương sự trình bày và qua kiểm tra xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện nay ông T đang quản lý và sử dụng chiếc xe ô tô Honda City 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Vũ Thị M, bà M đang quản lý sử dụng chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông là Nguyễn Văn T.

Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy tránh xáo trộn, cần giữ sự ổn định trong việc quản lý và sử dụng tài sản, nên giao cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô Honda City 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Vũ Thị M, giao cho bà M tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông là Nguyễn Văn T. Bà M phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền chênh lệch tài sản bà M được hưởng vượt quá phần giá trị được hưởng là 200.000.000 đồng. Ông T được nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản do bà M thanh toán là 200.000.000 đồng.

Ông T và bà M phải có nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục sang tên chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo đúng quy định của pháp luật.

+ Xét yêu cầu của bà M về việc chia tài sản chung vợ chồng đối với ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN:

Ngày 31/3/2025 bà M có đơn yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án ly hôn đối với ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN, bà M không có yêu cầu gì đối với quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên. Toà án đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung này của bà M và ngày 26/5/2025 đã có Thông báo nộp tiền chi phí tố tụng (tạm ứng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản) và đã tống đạt thông báo cho bà M cùng ngày. Ngày 17/7/2025 bà M đã có bản tự khai xác nhận đã nhận Thông báo nộp tiền chi phí tố tụng nêu trên, nhưng bà M không nộp tiền chi phí tố tụng.

Theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về đình chỉ giải quyết vụ án dân sự: *"Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Toà án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:*

... đ) Nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này.

Trường hợp bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không nộp tiền tiền tạm ứng chi phí định giá và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này thì Toà án đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan".

Như đã phân tích trên, do bà M không nộp tiền chi phí tố tụng (tạm ứng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản), nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN của bà M. Giành quyền khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN trong vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Ông T và bà M đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Ông T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 24.000.000 đồng án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 19.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0071697 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, T phố HN – Nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – HN. Ông T còn phải tiếp tục nộp số tiền 3.900.000 đồng.

[3.2] Bà M phải nộp 24.000.000.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Do yêu cầu chia tài sản chung của bà M đã đình chỉ giải quyết, nên số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung là 24.000.000 đồng bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0072123 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, T phố HN – Nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – HN được trả lại cho bà M. Tuy nhiên được khấu trừ vào số tiền án phí chia tài sản chung mà bà M phải nộp. Xác nhận bà M đã nộp đủ tiền án phí chia tài sản chung.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; Điều 271, Điều 273, Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1, 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

2. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Vũ Thị M.

3. Về con chung:

Xác nhận ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M có 01 con chung là Nguyễn Vũ Q, sinh ngày 09/5/2008. Sau khi ly hôn giao 01 con chung cho bà Vũ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2025 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

Ông Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung: Xác định tài sản chung vợ chồng của ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M gồm có 01 chiếc xe ô tô Honda City 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Vũ Thị M; 01 chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký mang tên ông là Nguyễn Văn T. Tổng giá trị tài sản là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*, trị giá tài sản mỗi người được hưởng 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*.

Giao ông Nguyễn Văn T tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô Honda City 30E-791.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên bà Vũ Thị M; Giao bà Vũ Thị M tiếp tục quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô Hyundai

Santafe biển kiểm soát 30F-046.57, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông là Nguyễn Văn T.

Bà Vũ Thị M phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền chênh lệch trị giá tài sản là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*. Ông Nguyễn Văn T được nhận số tiền chênh lệch trị giá tài sản do bà Vũ Thị M thanh toán là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*.

Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M phải có nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục sang tên chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Vũ Thị M là ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN. Giành quyền khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất số 35(1), tờ bản đồ số 14 tại xóm N, xã VN, huyện ĐA, T phố HN trong vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

6. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án không xem xét.

7. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 24.000.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu đồng)* án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp là 19.800.000 đồng *(Mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0071697 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, T phố HN – Nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – HN. Ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục nộp số tiền 3.900.000 đồng *(Ba triệu, chín trăm nghìn đồng)*.

+ Bà Vũ Thị M phải chịu 24.000.000.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu đồng)* án phí chia tài sản chung.

Số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung là 24.000.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu đồng)* bà Vũ Thị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0072123 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, T phố HN – Nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – HN được trả lại cho bà Vũ Thị M. Tuy nhiên được khấu trừ vào số tiền án phí chia tài sản chung mà bà Vũ Thị M phải chịu là 24.000.000 đồng

(Hai mươi bốn triệu đồng). Xác nhận bà Vũ Thị M đã nộp đủ tiền án phí chia tài sản chung.

8. Ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7-HN;
- Phòng THA Khu vực 7-HN;
- TAND T phố HN;
- UBND X.VN, H.ĐA, TP.HN – Nay là X.PT, TP. HN (GCNKH số 18, Quyển số 01/2012 ngày 25/02/2012);
- Lưu hồ sơ.